

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tại tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2008; ý kiến của các Bộ, ngành liên quan về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Huy động cao nhất các nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp và tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP.

2. Phát triển tỉnh Nam Định tương xứng với vị trí, vai trò đối với Tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng, đóng góp ngày càng nhiều vào tăng trưởng chung của Vùng.

3. Gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, giảm chênh lệch về mức sống giữa các khu vực; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

4. Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý và bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, tạo cảnh quan cho phát triển du lịch.

5. Phát triển kinh tế kết hợp với đảm bảo an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đưa kinh tế tỉnh Nam Định có bước phát triển nhanh, bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; có mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội từng bước hiện đại, hệ thống đô thị tương đối phát triển; các lĩnh vực văn hoá - xã hội phát triển tiên tiến, đời sống nhân dân ngày được nâng cao; từng bước đưa Nam Định trở thành một trong những tỉnh có trình độ phát triển ở mức trung bình khá của vùng đồng bằng sông Hồng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đến năm 2010 đạt khoảng 12%/năm; giai đoạn 2011 - 2015 là 13%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 12,5%/năm;

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đến năm 2010 tỷ trọng các ngành nông - lâm - ngư nghiệp còn khoảng 25%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 39% và dịch vụ chiếm khoảng 36%; đến năm 2015 các tỷ lệ tương ứng là 19%; 44% và 37%; đến năm 2020, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm xuống còn khoảng 8%; công nghiệp - xây dựng đạt khoảng 54% và dịch vụ ở mức khoảng 38%;

- Giá trị xuất khẩu đến năm 2010 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 18%/năm;

- Tăng thu ngân sách, đảm bảo phần lớn các nhiệm vụ chi của Tỉnh và từng bước phấn đấu cân bằng thu - chi. Phấn đấu tốc độ thu ngân sách trên địa bàn tăng trên 17%/năm giai đoạn đến năm 2010, trên 16%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và trên 15%/năm giai đoạn 2016 - 2020;

- GDP bình quân đầu người đạt khoảng 12,5 triệu đồng vào năm 2010; 26 triệu đồng vào năm 2015 và 50 triệu đồng năm 2020 (giá thực tế).

b) Về xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân 0,95%/năm giai đoạn năm 2010, 0,92%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và khoảng 0,9%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Phần đầu đến năm 2010, toàn Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học.

- Đến năm 2010, hạ tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn khoảng 15%, đến năm 2010 khoảng 10%; đến năm 2010, bình quân 10.000 dân có 16 giường bệnh, 6,5 bác sĩ và đến năm 2020, bình quân 10.000 dân có 20 - 22 giường và 8 bác sĩ.

- Phần đầu đến năm 2010 có trên 50% lao động qua đào tạo và mỗi năm giải quyết được 35 - 40 nghìn lao động có việc làm mới, đến năm 2020 có trên 75% lao động qua đào tạo và giải quyết được 45-50 nghìn lao động có việc làm mới. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị xuống 4% vào năm 2010 và ổn định ở mức 3 - 4% giai đoạn đến năm 2020;

- Nâng cao tỷ lệ đô thị hóa, phần đầu đưa tỷ lệ đô thị hóa đạt 22,8% vào năm 2010 và 45% vào năm 2020. Đồng thời, đến năm 2010 có 100% dân số đô thị và khoảng 80% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, đến năm 2020 có 100% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh;

- Chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp sang khu vực có năng suất lao động cao, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động còn khoảng 65% vào năm 2010 và khoảng 35% vào năm 2020. Nâng thời gian lao động ở khu vực nông thôn đến năm 2010 lên trên 85% và năm 2020 lên trên 90%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 6% vào năm 2010 (theo tiêu chí mới năm 2005).

c) Về bảo vệ môi trường:

- Phần đầu đến năm 2010 đạt 100% số cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ đạt tiêu chuẩn về môi trường, đảm bảo xử lý chất thải và 50% số cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, đến năm 2020 về cơ bản các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường;

- Đến năm 2010 trên 80% chất thải rắn được thu gom, xử lý được trên 60% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế, 40% các khu đô thị mới và 70% các khu công nghiệp, có hệ thống xử lý nước thải tập trung; đến năm 2020 trên 95% chất thải rắn được thu gom, xử lý được trên 90% chất thải nguy hại, 100% các khu đô thị, khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành nông, lâm, thủy sản

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá theo hướng sạch, bền vững, có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh cao. Được hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến, phù hợp với hệ sinh thái và điều kiện tự nhiên của địa phương.

Tập trung đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp; chuyển diện tích đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất rau, màu và nuôi trồng thủy sản; phát triển chăn nuôi trở thành một trong những ngành sản xuất chính trong nông nghiệp; đẩy mạnh khai thác, nuôi trồng thủy sản để có đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế. Cụ thể:

a) Đối với trồng trọt:

- Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ theo hướng đa dạng hoá cây trồng, đa thời vụ, mở rộng nhanh diện tích những cây có hiệu quả kinh tế cao;

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất lúa đặc sản ở các huyện phía Nam, mở rộng sản xuất lúa chất lượng cao ở các huyện phía Bắc; ổn định diện tích 2 vụ lúa khoảng 70 - 75 nghìn ha, năng suất 13 - 14 tấn/ha/năm, sản lượng khoảng 900 - 950 nghìn tấn;

- Mở rộng diện tích vụ Đông lên 20 - 25 nghìn ha vào năm 2010 và 30 - 40 nghìn ha vào năm 2020 theo hướng sản xuất hàng hoá, đa dạng cây trồng, đa thời vụ, tập trung vào những cây có giá trị kinh tế cao như khoai tây xuất khẩu, rau bí, dưa chuột, cà chua...

- Cải tạo vườn tạp thành vườn cây có giá trị thu nhập cao, hình thành các trang trại cây ăn quả vừa và nhỏ ở những vùng đất cao. Phát triển cây cảnh, các loại cây hoa và cây hương liệu tại thành phố Nam Định, Nam Trực, Hải Hậu... để phục vụ cho thành thị, phục vụ cho công nghiệp và có thể xuất khẩu.

b) Đối với chăn nuôi:

Chuyển chăn nuôi tận dụng quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá áp dụng phương pháp công nghiệp. Mở rộng mô hình trang trại chăn nuôi vừa và nhỏ. Tăng cường công tác thú y, phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia cầm, gia súc.

c) Đối với thủy sản:

- Tập trung khai thác tốt tiềm năng về tài nguyên nước, tài nguyên biển, đất đai, lao động để phát triển ngành thủy sản. Cùng với nuôi trồng thủy sản, tăng cường năng lực đánh bắt, khai thác hải sản; phát triển hậu cần dịch vụ chế biến, xuất khẩu thủy sản;

- Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá; hình thành các vùng nuôi thủy sản có quy mô lớn để tạo nguyên liệu công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Thực hiện tốt xã hội hoá trong các lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thủy sản. Mở rộng quy mô các cơ sở sản xuất giống thủy sản, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các cơ sở sản xuất giống;

- Tiếp tục đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản ở vùng nước mặn, lợ; tăng cường chuyển diện tích làm muối kém hiệu quả, diện tích trồng lúa ở các vùng đất úng, trũng năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản. Trong đó, tập trung đầu tư cao vào một số loài hải sản có hiệu quả kinh tế cao như: tôm sú, cua, ngao, cá bông bớp, tôm càng xanh và cá rô phi đơn tính thương phẩm. Dự kiến diện tích nuôi trồng thủy sản tăng lên 17.000 ha vào năm 2010 và khoảng 18.400 ha vào năm 2020;

- Tiếp tục nâng cao năng lực khai thác hải sản, trước hết là công tác tổ chức sản xuất, quản lý và sử dụng có hiệu quả đội tàu khai thác hải sản xa bờ. Phát triển nghề cá cả về số lượng và công suất đi đôi với việc đổi mới, hoàn thiện công nghệ đánh bắt. Đầu tư xây dựng một số khu neo đậu trú bão ở các cửa: Quần Vinh và Giao Thủy.

Dự kiến giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 5,1%/năm giai đoạn đến năm 2010, tăng 4,1%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 2,9%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Phần đầu giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng của ngành thủy sản trong cơ cấu sản xuất.

2. Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

- Khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để phát triển công nghiệp với nhịp độ cao; nâng cao chất lượng công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư, xây dựng môi trường đầu tư hấp dẫn nhằm thu hút được nhiều dự án (nhất là những dự án công nghệ cao, có quy mô lớn) tạo bước đột phá trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh.

- Tập trung đầu tư phát triển một số ngành, sản phẩm chủ lực của địa phương có đủ sức cạnh tranh trên thị trường và có hiệu quả kinh tế - xã hội cao như: đóng tàu, cơ khí chế tạo, ô tô, xe máy, điện tử - tin học...

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mà sản phẩm của nó có thị trường tương đối ổn định và hiệu quả cao; các ngành công nghiệp có thể mạnh về nguồn nguyên liệu (công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm), lao động (dệt may, da giày...).

- Phát triển mạnh ngành công nghiệp cơ khí, điện tử và gia công kim loại trở thành ngành công nghiệp trọng điểm, đóng góp chủ yếu cho ngân sách của Tỉnh, với các sản phẩm mũi nhọn như: đóng mới, sửa chữa tàu, thuyền, sản xuất lắp ráp ô tô các loại, sản xuất hàng cơ khí xuất khẩu, cơ khí tiêu dùng, cơ khí phục vụ nông nghiệp, cơ khí xây dựng.

- Đầu tư mạnh vào các doanh nghiệp đóng tàu, các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô để có đủ năng lực đóng những loại tàu vận tải sông biển tải trọng lớn đến 15.000 DWT, các loại ô tô khách, ô tô bán tải dưới 5 tấn với chất lượng và tỷ lệ nội địa cao, làm vai trò "đầu kéo" cho các cơ sở cơ khí vừa và nhỏ phát triển theo với vị trí là cơ sở sản xuất, cung cấp sản phẩm phụ trợ.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng Nhà máy đóng tàu Thịnh Long để đóng mới tàu biển với công suất thiết kế tải trọng 6.500 - 15.000 DWT.

- Xây dựng mới, mở rộng các nhà máy đóng tàu tại các huyện: Xuân Trường, Trực Ninh và thành phố Nam Định.

- Công nghiệp dệt may phát triển theo hướng sản xuất hàng xuất khẩu và tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm. Tập trung sản xuất những sản phẩm có tính chất đặc thù, lợi thế về lao động, sản phẩm may cao cấp, có hàm lượng công nghệ và chất xám cao để tạo thương hiệu riêng sản phẩm của địa phương. Tăng tỷ lệ nội địa hóa về nguyên phụ liệu của hàng dệt may. Phát triển công nghiệp dệt may tại các huyện, vùng nông thôn để giải quyết việc làm cho người lao động.

- Phát triển mạnh công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống gắn với phát triển nguồn nguyên liệu theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng đến chế biến các sản phẩm xuất khẩu. Liên doanh liên kết với các cơ sở lớn và nước ngoài để phát triển thị trường, đổi mới công nghệ, tăng quy mô sản xuất.

- Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tương xứng với tiềm năng sẵn có về tài nguyên, lao động, góp phần giải quyết việc làm, cải thiện đời sống của nhân dân.

- Phát triển ngành hóa chất của Tỉnh với tốc độ nhanh, đi thẳng vào công nghệ tiên tiến, hiện đại (đặc biệt là ngành dược phẩm) nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, đủ sức cạnh tranh. Ưu tiên phát triển sản xuất dược liệu, thuốc chữa bệnh, đưa ngành sản xuất dược liệu Nam Định đóng vai trò trung tâm công nghiệp dược liệu của vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

- Cùng cố, phát triển các nghề và làng nghề truyền thống, mở rộng dần quy mô sản xuất sang khu vực lân cận. Tập trung các nguồn lực đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ sản xuất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và nước ngoài. Chú trọng xây dựng cơ sở sản xuất tập trung, kết hợp với phân tán ở các hộ gia đình. Tăng nhanh số lượng, chất lượng các doanh nghiệp nhỏ và vừa, làm chỗ dựa và hạt nhân cho phát triển ngành nghề nông thôn tại địa phương. Từng bước giải quyết tốt vấn đề môi trường, đời sống nhân dân tại các làng nghề. Tăng hỗ trợ từ ngân sách để xây dựng kết cấu hạ tầng, giúp các làng nghề phát triển.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư để lấp đầy 2 khu công nghiệp: Hòa Xá và Mỹ Trung; tiếp tục triển khai các khu công nghiệp đã được phê duyệt như: Bảo Minh, Thành An, Hồng Tiến, Trung Thành, Nghĩa An.

- Hình thành thêm một số khu công nghiệp tàu thủy: Nam Định, Xuân Kiên, Thịnh Long, Mỹ Lộc, Nghĩa Bình.

Nghiên cứu có thể xây dựng thêm một số khu công nghiệp nằm dọc theo tuyến đường mới ven biển từ Thanh Hoá - Ninh Bình - Nam Định đến Quảng Ninh để phân bố lại công nghiệp trên địa bàn Tỉnh, nhưng hạn chế lấy đất trồng lúa 2 vụ làm khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, dịch vụ.

- Xây dựng các cụm công nghiệp quy mô nhỏ để giải quyết lao động tại chỗ, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Phấn đấu để nhịp độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2006 - 2010 đạt 25%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 tăng 17%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 tăng 15%/năm.

3. Phát triển dịch vụ

- Hoàn chỉnh hệ thống thương mại trên địa bàn Tỉnh, kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực đô thị với phát triển thị trường nông thôn, phát triển các chợ đầu mối để thu mua sản phẩm của người nông dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố Nam Định và các trung tâm huyện lỵ, thị trấn... quy hoạch và nâng cấp hệ thống chợ nông thôn. Chú trọng công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng các khu giết mổ tập trung tại thành phố Nam Định và tại các chợ có khu giết mổ riêng.

- Hình thành các cụm thương mại - dịch vụ tại khu vực có vị trí giao lưu thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung hoặc gắn với các khu, cụm công nghiệp tại các địa điểm: thành phố Nam Định, Lạc Quan, Gôi, Thịnh Long, Quất Lâm và các thị trấn: Liễu Đề, Cổ Lễ, Lâm, Yên Định, Chợ Cồn, Ngô Đồng, Mỹ Lộc.

- Phát triển du lịch tỉnh Nam Định trở thành ngành kinh tế quan trọng, nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo điều kiện cho các ngành kinh tế khác phát triển.

- Chú trọng phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng biển để kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch gắn với phát triển du lịch tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, các khu du lịch biển: Thịnh Long, Quất Lâm. Nghiên cứu xây dựng khu du lịch biển Rạng Đông.

- Phát huy tiềm năng du lịch văn hoá - lễ hội, du lịch văn hoá có ý nghĩa tâm linh; tập trung đầu tư xây dựng các khu du lịch: Đền Trần, Phủ Dầy, khu lưu niệm cô Tổng Bí thư Trường Chinh... Phát triển du lịch thăm quê hương các doanh nhân văn hoá: Trần Tế Xương, Nguyễn Bính, Lương Thế Vinh, Nguyễn Hiền...

- Gắn phát triển các làng nghề với phát triển du lịch tại các làng nghề nổi tiếng như: làng nghề đúc đồng Tống Xá, chạm gỗ La Xuyên, sơn mài Cát Đằng, cây cảnh Vị Khê...

- Nghiên cứu phát triển các loại hình du lịch mới như du lịch hội nghị, hội thảo (MICE), du lịch gắn với thể thao...

- Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn để thu hút tốt đầu tư của các thành phần kinh tế.

- Phát triển đội tàu biển với số lượng và trọng tải lớn đáp ứng nhu cầu vận tải trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển các dịch vụ bưu chính - viễn thông, các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất, các khu công nghiệp, các khu đô thị.

- Từng bước phát triển thị trường chứng khoán, xây dựng Nam Định trở thành Trung tâm dịch vụ chứng khoán của Nam đồng bằng sông Hồng để huy động vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Dự kiến tốc độ tăng trưởng tổng mức lưu chuyển bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ bình quân giai đoạn năm 2010 là 13,5%/năm, giai đoạn 2011 - 2020 là 14%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn năm 2010 là 20%/năm, giai đoạn 2011 - 2020 là 18%/năm.

4. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội

- Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình. Dự kiến dân số tỉnh Nam Định đến năm 2010 là 2.060 nghìn người; năm 2015 là 2.157 nghìn người và năm 2020 khoảng 2.255 nghìn người.

- Phân đầu trong giai đoạn 2006 - 2010 mỗi năm giải quyết việc làm mới cho 35 - 40 nghìn lao động, giai đoạn 2011 - 2020 giải quyết được 45 - 50 nghìn lao động.

- Đẩy mạnh việc xuất khẩu lao động, phân đầu đến năm 2010 có trên 14 nghìn lượt, năm 2020 có khoảng 80 - 100 nghìn lượt người đi lao động ở nước ngoài.

- Phát huy truyền thống hiếu học và sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân để giáo dục và đào tạo của Tỉnh tiếp tục là một trong những đơn vị dẫn đầu toàn quốc.

- Đến năm 2010 có 100% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, toàn Tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học.

- Phân đầu đến năm 2010 có 60%, năm 2020 có trên 80% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia.

- Trên cơ sở Trường Cao đẳng sư phạm để thành lập Trường Đại học Nam Định, nâng cấp Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật nông nghiệp Nam Định lên bậc cao đẳng.

- Nâng cấp Trường Trung học Văn hoá nghệ thuật Nam Định lên Trường Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật Nam Định.

- Thành lập thêm các trung tâm dạy nghề ở các huyện và thành phố Nam Định.

- Hình thành trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề đạt chuẩn để đáp ứng nhu cầu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao cho địa phương và phục vụ xuất khẩu lao động. Xây dựng các cơ sở đào tạo nghề quy mô Vùng để đào tạo nghề cho tỉnh Nam Định và các địa phương lân cận. Phân đầu đến năm 2010 có trên 50%, năm 2020 trên 75% lao động qua đào tạo.

- Quy hoạch mạng lưới bệnh viện tuyến tỉnh theo hướng giảm đầu mối, tập trung kỹ thuật cao. Hoàn thành xây dựng Bệnh viện vùng - hạng I, quy mô 700 giường bệnh.

- Xây dựng hệ thống trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh, tuyến huyện có đầy đủ năng lực về cán bộ và trang thiết bị để giám sát, phân tích và thông báo kịp thời dịch bệnh cho cả Vùng.

- Xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng.

- Phân đầu đến năm 2010 bình quân giường bệnh đạt 16 giường/10.000 dân, đến năm 2020 đạt 20 - 22 giường/10.000 dân.

- Cùng cố y tế xã, phường, phấn đấu đến năm 2010 có 100% số trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá".

- Tập trung cao cho đầu tư xây dựng Khu bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Trần trên địa bàn huyện Mỹ Lộc và thành phố Nam Định.

- Hoàn thành xây dựng quần thể khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh (tại Xuân Trường), Bảo tàng tỉnh Nam Định, Trung tâm triển lãm Tỉnh.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng quần thể Phủ Dày - chợ Viềng.

- Xây dựng khu vui chơi giải trí tại Khu công viên văn hoá Túc Mặc.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình thể dục thể thao cho các huyện, thành phố; phấn đấu đến năm 2008 tất cả 10 huyện, thành phố có sân vận động, nhà tập, bể bơi. Đến năm 2010 các xã, thị trấn đều có sân vận động trung tâm và có các công trình thể thao ở những nơi có điều kiện.

- Xây dựng Trung tâm đào tạo - huấn luyện thể thao thành tích cao vùng Nam đồng bằng sông Hồng tại Trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Nam Định.

- Tập trung nghiên cứu, tích cực ứng dụng những thành quả khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, gắn nghiên cứu với sản xuất, giữa xây dựng năng lực khoa học nội sinh và các hoạt động chuyển giao công nghệ.

Hoàn thành đưa vào sử dụng Trung tâm Công nghệ thông tin. Từng bước phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm. Đồng thời, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

5. Kết cấu hạ tầng

Phát triển giao thông vận tải đồng bộ, đảm bảo sự liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, tạo thành mạng lưới giao thông thông suốt.

a) Về mạng lưới quốc lộ:

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng tuyến đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình qua địa bàn Tỉnh chiều dài khoảng 21 km, sau đó tiếp tục nâng cấp toàn tuyến từ Pháp Vân - Ninh Bình lên 6 làn xe;

- Xây dựng mới tuyến đường bộ Phủ Lý - Nam Định đạt tiêu chuẩn đường cấp I đồng bằng (4 làn xe cơ giới, 2 làn xe thô sơ) trước năm 2015;

- Đẩy nhanh tiến độ nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21 đoạn Nam Định - Hải Thịnh dài 60 km, quy mô đường cấp III và cấp IV đồng bằng;

- Xây dựng đường quốc lộ ven biển với quy mô cấp II đồng bằng, đoạn Thanh Hóa - Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh sau năm 2010;

- Xây dựng tuyến đường bộ mới từ thành phố Nam Định đến thị trấn Rạng Đông (huyện Nghĩa Hưng), song song với đường 490 (đường 55 cũ) trong giai đoạn đầu với quy mô đường cấp II đồng bằng;

- Nghiên cứu chuyển đường tỉnh lộ 487 (38 A), đường tỉnh lộ 490 (55) thành đường quốc lộ. Điểm đầu tuyến từ bến phà Yên Lệnh (Hà Nam) theo đường tỉnh lộ 972 (Hà Nam) qua đường 52 m - khu đô thị Thống Nhất - thành phố Nam Định (đường thay thế TL 38A), theo tỉnh lộ 490 mới đến cảng Hải Thịnh với tiêu chuẩn cấp III đồng bằng;

- Nâng cấp đường tỉnh lộ 482 (56) thành đường quốc lộ từ tỉnh Hà Nam qua Nam Định đến cảng Diêm Điền (tỉnh Thái Bình), đoạn qua tỉnh Nam Định dài khoảng 73 km với quy mô cấp III đồng bằng.

b) Về đường giao thông tỉnh lộ:

- Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 490 (TL 55 cũ), đường tỉnh 489 (TL 54 cũ), đường tỉnh 481 (gồm các đường 51A, 51B cũ, một đoạn đường 54 và 21), đường tỉnh 486 (TL 12 cũ) đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng. Mở rộng đoạn đường qua các thị trấn;

- Nâng cấp đường tỉnh 480 (TL 53A, 53B cũ), đường tỉnh 484 (TL 64 cũ), đường tỉnh 485 (TL 57A cũ) đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

- Xây dựng mới đường tỉnh 488 có điểm đầu tuyến tại cầu Vòi (Km 155 trên quốc lộ 21, dự kiến sau này tuyến nối tiếp đến đầu cầu qua sông Đào thẳng đê Quán Chuột sang), điểm cuối tuyến tại thị trấn Thịnh Long với quy mô đường cấp IV đồng bằng, dài 45 km;

- Xây dựng tuyến đường đê ven biển nối khu du lịch sinh thái rừng ngập nước Xuân Thủy qua khu du lịch Quất Lâm, Thịnh Long và đến khu du lịch Rạng Đông.

c) Về giao thông đô thị:

Hoàn thành đường vành đai 2 và nghiên cứu, xây dựng đường vành đai 3 của thành phố Nam Định. Chọn trục giao thông chính huyết mạch và các nút giao thông quan trọng ra vào thành phố với quy mô hiện đại tương xứng với đô thị loại II và tiến tới đô thị loại I. Nâng cấp, mở rộng mạng lưới giao thông các thị trấn.

d) Về giao thông nông thôn:

Phấn đấu đến năm 2020, nhựa hoá hoặc bê tông hoá được trên 90% đường giao thông nông thôn trên địa bàn toàn Tỉnh.

d) Về đường sắt:

- Quy hoạch và xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, trong đó có đoạn chạy qua Nam Định, đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc tế;

- Xây dựng ga Đặng Xá hiện đại phục vụ hành khách và ga Trình Xuyên hiện đại phục vụ trung chuyển hàng hóa;

- Nghiên cứu mở tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

e) Về đường thủy:

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp luồng 4 sông lớn gồm: sông Hồng, sông Đào, sông Đáy và sông Ninh Cơ với tổng chiều dài 251 km đạt cấp kỹ thuật quy định. Chính trị, nạo vét luồng lạch cửa sông Lạch Giang, cửa sông Đáy để tàu có trọng tải lớn ra vào thuận tiện, đưa vận tải ven biển vào đến Hà Nội;

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cảng biển, cảng sông, bến bãi bốc xếp hàng hoá;

- Mở rộng, nâng cấp cảng Hải Thịnh và xây dựng thành khu cập cảng tàu LASH, khu lắp ráp tàu có trọng tải lớn. Tổ chức vận tải biển với các cảng khu vực Đông Nam Á và quốc tế;

- Di chuyển cảng sông Nam Định ra khỏi trung tâm thành phố, cải tạo, nâng cấp cảng sông Nam Định cũ thành cảng hành khách, du lịch. Đầu tư xây dựng cảng mới hiện đại quy mô trên 1 triệu tấn/năm;

- Đầu tư xây dựng Nhà máy nhiệt điện than tại khu vực cửa Lạch Giang sông Ninh Cơ (huyện Hải Hậu), công suất 1.200 MW, hoàn thành trong giai đoạn 2011 - 2015;

- Phát triển mạng lưới cấp điện, bu chính viễn thông, cấp thoát nước, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đời sống nhân dân và phục vụ sản xuất. Chú trọng cung cấp các dịch vụ cho các khu đô thị mới, các khu cụm công nghiệp, các làng nghề...;

- Thường xuyên tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống đê biển, đê sông nhất là những nơi xung yếu. Sớm hoàn thành các dự án tu bổ, nâng cấp đê biển thuộc Chương trình nâng cấp đê biển Quảng Ninh - Quảng Nam, trong đó đoạn qua Nam Định dài 91,5 km. Đảm bảo an toàn cho hệ thống đê biển khi có bão cấp 10, tần suất 5%;

Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống thủy nông phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu sản xuất. Ưu tiên nâng cấp các công trình đầu mối, nạo vét và kiên cố hoá hệ thống kênh mương; kiên cố kênh và trạm bơm Nam Hà, kênh chính Tây Cổ Đàm, hệ thống thủy lợi Hải Hậu, hệ thống thủy lợi Đông Giao Thủy, Nam Nghĩa Hưng...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO LÃNH THỔ

1. Phát triển theo các tiểu vùng

Dựa vào đặc điểm về điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực của Tỉnh, tiến hành phân thành các tiểu vùng phát triển kinh tế - xã hội như sau:

- Vùng kinh tế biển: gồm các huyện Giao Thủy, Hải Hậu và các xã, thị trấn nằm ở phía Nam huyện Nghĩa Hưng (từ đường 56 xuống biển);

- Vùng kinh tế công nghiệp - dịch vụ: gồm thành phố Nam Định và khu vực phụ cận;

- Vùng sản xuất nông nghiệp, kết hợp với công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: gồm các huyện Xuân Trường, Trực Ninh, Nam Trực, Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc và các xã, thị trấn nằm ở phía Bắc huyện Nghĩa Hưng.

Phương hướng phát triển các tiểu vùng:

a) Vùng kinh tế biển:

- Ưu tiên đầu tư phát triển thủy, hải sản; xây dựng các cơ sở chế biến thủy, hải sản;

- Xúc tiến đầu tư hình thành Khu kinh tế tổng hợp Ninh Cơ gắn với Trung tâm đóng tàu biển Thịnh Long, Nhà máy nhiệt điện Hải Hậu, cụm cảng tổng hợp, tổng kho xăng dầu, chế biến thủy sản và sản xuất dược...;

- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông - vận tải, xây dựng tuyến đường chiến lược ven biển; tuyến đường mới từ thành phố Nam Định đến thị trấn Rạng Đông. Nâng cấp 2 khu du lịch nghỉ mát: Quất Lâm, Thịnh Long và khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy.

- Từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng nâng cấp các thị trấn: Thịnh Long, Quất Lâm lên thị xã, tạo thành các trung tâm du lịch - dịch vụ của khu vực duyên hải.

b) Vùng công nghiệp - dịch vụ thành phố Nam Định và phụ cận:

Phát triển thành phố Nam Định trở thành Trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội, làm hạt nhân phát triển của Tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng; xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng của thành phố đạt các tiêu chí của đô thị loại II và tiến đến phấn đấu các tiêu chí của đô thị loại I. Thành phố Nam Định phát triển mở rộng gắn kết với vùng phụ cận.

c) Vùng sản xuất nông nghiệp kết hợp với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá và đảm bảo giữ vững an ninh lương thực. Phát triển các cơ sở chế biến nông sản, thực phẩm, các cụm công nghiệp - làng nghề để tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông dân;

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, đầu tư phát triển thị trấn Lâm lên thị xã và các khu công nghiệp: Hồng Tiến, Bảo Minh, Nghĩa An, Ý Yên II.

2. Phát triển đô thị

- Đẩy mạnh tốc độ đô thị hoá, mở rộng các đô thị hiện có và xây dựng thêm một số đô thị mới. Khu đô thị mới phải gắn với phát triển các khu công nghiệp, đầu mối giao thông, các trung tâm thương mại, dịch vụ.

- Phát triển thành phố Nam Định trở thành Trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của Tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng; xem xét thành lập thêm một số phường của thành phố Nam Định khi đáp ứng đủ tiêu chí theo quy định.

- Tập trung nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ các tập đoàn kinh tế lớn, các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật nâng cấp thị trấn Thịnh Long (Hải Hậu) lên thành phố trước năm 2015. Hạt nhân của thành phố Thịnh Long là Khu kinh tế Ninh Cơ.

- Xây dựng Khu kinh tế Ninh Cơ theo hướng khu kinh tế tổng hợp gồm: khu cảng tổng hợp, khu chế tạo tàu thủy, khu lọc dầu, khu công nghệ cao, khu liên hợp sản xuất dược, khu chế biến thủy sản và các dự án khác.

- Xây dựng thị trấn **Quất Lâm** (huyện Giao Thủy) và thị trấn **Lâm** (huyện Ý Yên) lên thị xã giai đoạn sau năm 2015. Nếu đáp ứng đủ các tiêu chí của thị xã thì có thể xem xét công nhận trước năm 2015.

- Nâng cấp mạng lưới kết cấu hạ tầng cho các thị trấn. Dự kiến hình thành các thị trấn mới ở những xã, khu vực liên xã có sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại phát triển.

V. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

1. Huy động các nguồn vốn đầu tư

Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư đến năm 2020 khoảng 296.000 tỷ đồng (giá hiện hành), trong đó giai đoạn đến năm 2010 là 35.967 tỷ đồng.

Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư nêu trên phải thực hiện nhiều biện pháp huy động vốn đầu tư, nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể, tích cực để đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư với nhiều hình thức đầu tư khác nhau, trong đó phát huy nội lực là chủ yếu; huy động tốt nguồn vốn từ quỹ đất để đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, thu hút đầu tư từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh, dân cư và nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tiếp tục tranh thủ các nguồn tài trợ ODA, sớm xây dựng chiến lược thu hút và sử dụng vốn ODA tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở các trung tâm kinh tế và các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các công trình bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo...

2. Thực hiện cơ chế, chính sách

- Cho phép thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù, do tỉnh Nam Định có tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản cao trong cơ cấu kinh tế nhằm đảm bảo an ninh lương thực của Vùng.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thông thoáng, giảm phiền hà cho doanh nghiệp, nhân dân và tạo điều kiện tốt nhất cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích tích tụ ruộng đất một cách hợp lý để tạo vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn. Nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng tại các làng nghề, thúc đẩy các làng nghề phát triển.

3. Phối hợp phát triển giữa Nam Định với các tỉnh trong Vùng

Xây dựng kế hoạch phối, kết hợp với các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là với các tỉnh thuộc Tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng về phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng các tuyến du lịch; thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, khai thác hệ thống thủy nông, chuyên giao công nghệ...

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng nhu cầu về thị trường lao động và phù hợp với cơ cấu kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- Cải thiện môi trường làm việc, có chính sách thu hút nhân tài, lao động có tay nghề kỹ thuật cao đến công tác, làm việc lâu dài ở Nam Định.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Chú trọng xây dựng nhân lực có kỹ thuật, có trình độ cho sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường đầu tư cho giáo dục - đào tạo, đặc biệt là giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề. Xây dựng các cơ chế khuyến khích phát triển các cơ sở dạy nghề, mở rộng dạy nghề bằng nhiều hình thức thích hợp. Có chính sách đào tạo nghề cho lao động chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp.

5. Phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Thực hiện tốt biện pháp gắn phát triển khoa học, công nghệ với sản xuất kinh doanh; đẩy nhanh việc ứng dụng các thành tựu của khoa học- kỹ thuật, công nghệ tin học vào sản xuất, quản lý, điều hành...

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong các khâu chế biến nông thủy sản, các ngành công nghiệp chế tác khác. Có các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đưa công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi, có hiệu quả kinh tế cao, nhất là trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Có các biện pháp quản lý chặt chẽ chất thải ở cơ sở sản xuất, làng nghề; đồng thời, có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp, làng nghề đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn, lỏng, khí trước khi thải ra môi trường.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

- Sau khi Quy hoạch được phê duyệt, cần khẩn trương công bố công khai nhằm phổ biến để các cơ quan, đơn vị và nhân dân nắm được. Đồng thời, tiếp hành cụ thể hoá các nội dung của Quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế thành các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm.

- Thực hiện tốt các biện pháp giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư phát triển theo quy hoạch và trong kỳ kế hoạch. Tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành và địa phương trong việc thực hiện Quy hoạch. Cuối các năm (2010, 2015, 2020) tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Xây dựng chương trình hành động và các chương trình phát triển từng thời kỳ theo định hướng của Quy hoạch.

- Xây dựng quy hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết.

- Chú trọng đầu tư các công trình quy mô Vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 109/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển thành phố Nam Định trở thành Trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư.

- Quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn theo Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt.

Điều 3. Giao các Bộ, ngành liên quan hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch trên đến năm 2020 với một số nội dung chủ yếu sau:

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Quy hoạch.

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan dự kiến sẽ được đầu tư nêu trong Quy hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nam Định;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐP (5b). M 115

THỦ TƯỚNG



The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the text 'THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ' around the perimeter and the national emblem in the center. To the right of the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Tấn Dũng



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 87/2008/QĐ-TTg
ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Giao thông

- Dự án đường ven biển (Hải Hậu - Giao Thủy), dài 68 km.
- Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, trên địa phận Ý Yên dài 21 km.
- Dự án quốc lộ 21 đoạn Nam Định - Thịnh Long (Nam Định), dài 60 km.
- Dự án xây dựng 3 cầu qua sông Đào (TP Nam Định), H30-XB80.
- Dự án xây dựng mới đường nối Phủ Lý - thành phố Nam Định.
- Dự án xây dựng đường mới nối thành phố Nam Định - thị trấn Rạng Đông.
- Dự án đường 490 (Nam Trực - Nghĩa Hưng).
- Dự án đường 56 (Ý Yên - Giao Thủy), dài 47 km.
- Dự án Đường 481 (Xuân Trường - Giao Thủy), dài 14 km.
- Dự án đường 481 (Xuân Trường - Hải Hậu), dài 7 km.
- Dự án đường 487 (38A), thành phố Nam Định, dài 5 km.
- Dự án đường 480 (53A, B), tại Trực Ninh, dài 18 km.
- Dự án đường 485 (57A), Ý Yên, dài 15 km.
- Dự án đường 486 (TL 12), Vụ Bản - Ý Yên, dài 10 km.
- Dự án đường 482 (TL 56), Vụ Bản - Ý Yên.
- Dự án đường 488, Trực Ninh - Hải Hậu, dài 45 km.
- Dự án đường 64 (Ý Yên), dài 7 km.
- Dự án nối đường Trần Hưng Đạo (TP Nam Định) với quốc lộ 21.
- Dự án di chuyển cảng Nam Định ra khỏi khu vực trung tâm thành phố.
- Dự án chỉnh trị cửa Lạch Giang và nâng cấp cảng Hải Thịnh.

2. Hạ tầng đô thị, cấp thoát nước và công cộng

- Dự án cấp nước Nam Định pha 3 (thành phố Nam Định), công suất 75.000 m³/ngày đêm.
- Dự án cấp nước Nam Định (Nam Định), 2.500 m³/ngày đêm.
- Dự án cơ sở hạ tầng khu dân cư thu nhập thấp thành phố Nam Định (thành phố Nam Định).

- Dự án kè hồ thành phố Nam Định, diện tích 50 ha.
- Dự án kè sông Đào (thành phố Nam Định), dài 6 km.
- Dự án cơ sở hạ tầng các khu đô thị mới tại thành phố Nam Định.
- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để nâng cấp thị trấn Thịnh Long lên thị xã.
- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để nâng cấp thị trấn Lâm, thị trấn Quát Lâm lên thị xã.

3. Hạ tầng các khu công nghiệp

- Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Hoà Xá (TP Nam Định), diện tích 327 ha.
- Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp An Xá (TP Nam Định), diện tích 51 ha.
- Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Mỹ Trung (TP Nam Định, Mỹ Lộc).
- Dự án xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp mới của tỉnh.

4. Thủy lợi và đê điều

- Kè đê biển Xuân Hà (Hải Hậu).
- Dự án kè đê sông Hồng Hữu Bị (Mỹ Lộc).
- Dự án nạo vét sông Ninh Cơ (Xuân Trường).
- Dự án cải tạo hệ thống thủy lợi Đông Giao Thủy (Giao Thủy).
- Dự án cải tạo hệ thống thủy lợi lưu vực sông Sò.
- Dự án xây dựng trạm bơm Nam Hà (Nam Trực).
- Nâng cấp hệ thống tiêu huyện Hải Hậu (Hải Hậu).
- Dự án mở rộng, nâng cấp kênh Cồn Nhất (Giao Thủy).
- Dự án nâng cấp đê biển tỉnh Nam Định kết hợp đường du lịch.
- Dự án nâng cấp hệ thống đê, kè sông tỉnh Nam Định.
- Dự án thủy lợi Nam Nghĩa Hưng (Nghĩa Hưng).

II. NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP

- Dự án Vườn quốc gia Xuân Thủy (Giao Thủy).
- Dự án nuôi thủy sản nông trường Bạch Long (Giao Thủy), diện tích 100 ha.
- Dự án nuôi tôm công nghiệp Bạch Long (Giao Phong-Giao Thủy), diện tích 150 ha.
- Dự án vùng đệm vườn quốc gia Xuân Thủy (Giao Thủy).
- Dự án chuyển đổi nuôi trồng thủy sản (Hải Hậu), diện tích 140 ha.

III. DỊCH VỤ

- Dự án cơ sở hạ tầng tuyến du lịch bên Hữu Bị - Tức Mạc (thành phố Nam Định).
- Dự án cơ sở hạ tầng quần thể Phủ Dày - Chợ Viềng (Vụ Bản).
- Dự án khu dịch vụ tổng hợp (Vụ Bản), diện tích 120 ha.
- Dự án khu du lịch Quất Lâm - Thịnh Long (Giao Thủy - Hải Hậu), diện tích 315 ha.
- Dự án khu du lịch Rạng Đông (Nghĩa Hưng).
- Dự án cơ sở hạ tầng làng du lịch sinh thái Điền Xá giai đoạn I (Nam Trực).
- Dự án cụm thương mại - dịch vụ tổng hợp thành phố Nam Định.
- Dự án trung tâm dịch vụ - thương mại tại xã Yên Bằng (Ý Yên).
- Dự án nâng cấp hệ thống chợ.

IV. CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI VÀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

- Dự án Khu văn hoá Trần (TP Nam Định).
- Dự án bệnh viện 700 giường (TP Nam Định).
- Dự án trường THCS Hoàng Văn Thụ (TP Nam Định), diện tích 3.950 m².
- Dự án trường THCS Lương Thế Vinh (TP Nam Định), diện tích 4.017 m².
- Trường THCS Trần Đăng Ninh (TP Nam Định), diện tích 4.552 m²
- Dự án trường Nguyễn Đức Thuận.
- Dự án bệnh viện Lao (TP Nam Định), quy mô 150 giường.
- Dự án bệnh viện Phụ sản (TP Nam Định), rộng 7.095 m²
- Dự án mở rộng trường Cao đẳng Nghề Nam Định.
- Mở rộng trường Trung học Cơ điện (Nam Định).
- Dự án trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật nông nghiệp (Nam Định).
- Dự án nâng cấp trang thiết bị ngành y tế.
- Dự án Đài PTTH Nam Định (TP Nam Định), Anten 180 m.
- Dự án Bảo tàng tỉnh Nam Định (TP Nam Định).
- Dự án trung tâm điện ảnh sinh viên Nam Định, diện tích 1.380 m².

- Dự án Đài tưởng niệm Liệt sỹ tỉnh Nam Định (TP Nam Định).
- Dự án Trung tâm giáo dục - LĐXH huyện Xuân Trường, diện tích 2,2 ha.
- Dự án Trung tâm quản lý, giải quyết việc làm cho người cai nghiện Xuân Trường, diện tích 3,5 ha.
- Dự án Trung tâm cai nghiện thành phố Nam Định.
- Dự án khu tưởng niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh (Xuân Trường).
- Dự án Trung tâm triển lãm tỉnh Nam Định (TP Nam Định).
- Dự án di chuyển trường Văn hoá nghệ thuật (TP Nam Định).
- Dự án Trung tâm công nghệ thông tin tỉnh Nam Định (TP Nam Định), diện tích 50.000 m².

V. AN NINH - QUỐC PHÒNG

- Dự án cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh bão cửa sông Ninh Cơ (Hải Hậu), quy mô 256 m cầu cảng.
- Dự án Trung tâm huấn luyện sử dụng chó nghiệp vụ và doanh trại huấn luyện lực lượng cảnh sát cơ động (TP Nam Định), diện tích 3.000 m².
- Dự án phòng cháy, chữa cháy tại Khu công nghiệp Hoà Xá.

VI. CÔNG NGHIỆP

1. Công nghiệp tàu thủy và ô tô

- Dự án đầu tư mới nhà máy đóng tàu Thịnh Long, đóng mới tàu vận tải biển tải trọng 6.500 -15.000 DWT.
- Dự án xây dựng mới nhà máy đóng tàu của Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy Trường Xuân, đóng mới tàu sông biển, tại Xuân Tân, huyện Xuân Trường.
- Dự án nâng cấp và mở rộng giai đoạn I nhà máy đóng tàu Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy Hoàng Anh, đóng mới và sửa chữa tàu pha sông biển tải trọng đến 3.000 DWT tại Xuân Hùng, huyện Xuân Trường.
- Dự án xây dựng mới xưởng sản xuất đồ nội thất tàu thủy tại Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy Hoàng Anh.
- Dự án nâng cấp đầu tư chiều sâu Nhà máy đóng tàu Nam Hà, đóng mới tàu vận tải pha sông biển chất lượng cao tải trọng từ 3.000 DWT trở xuống, tại thành phố Nam Định.

- Dự án nâng cấp đầu tư chiều sâu Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy đóng tàu Sông Đào, đóng mới tàu sông biển đến 1.000 DWT, tại thành phố Nam Định.

- Dự án đầu tư mới nhà máy sản xuất các loại tủ bảng điện tàu thủy, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

- Dự án đầu tư mở rộng Công ty cổ phần Vận tải Ô tô, lắp ráp xe chở khách và sản xuất linh kiện cho lắp ráp ô tô, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị điện cho ô tô, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy lắp ráp xe tải nhẹ và xe mini bus Sông Hồng, công suất giai đoạn I: 5.000 xe/năm, tại Khu công nghiệp Hòa Xá.

- Dự án lắp ráp ô tô tải nhẹ và ô tô nông dụng công ty TNHH Đức Phương, Công suất giai đoạn I: 5.000 xe/năm, tại Khu công nghiệp Hòa Xá.

- Dự án nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô của công ty HONLEI Việt Nam, công suất giai đoạn I lắp ráp xe tải nhẹ và bán tải 5.000 xe/năm, tại Khu công nghiệp Hòa Xá.

- Dự án xây dựng nhà máy sản xuất ghế cho ô tô, công suất: 150.000 ghế/năm, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung - huyện Mỹ Lộc.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất các loại chi tiết bắt chặt chất lượng cao phục vụ công nghiệp ô tô, đóng tàu, xe máy, công suất: 500 T/năm, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

- Dự án đầu tư mới nhà máy sản xuất thiết bị cơ khí phụ trợ cho tàu thủy, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xích neo cho tàu thủy, công suất: 300 km/năm, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế tạo các loại van cho tàu thủy, công suất 5.000 bộ van/năm, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

- Đầu tư mới nhà máy sản xuất thiết bị, máy móc phụ trợ cơ khí cho tàu thủy (thiết bị tời neo, thiết bị lái, phân hộp số cho thiết bị nâng của các loại trục chân vịt, trục truyền dẫn...), tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế tạo hộp số và ly hợp cho ô tô, công suất mỗi loại 50.000 bộ/năm, tại Khu công nghiệp Mỹ Trung.

2. Công nghiệp dệt may - da giày

- Dự án di chuyển Công ty Dệt Nam Định vào Khu công nghiệp Hoà Xá.
- Dự án di chuyển Công ty Dệt Lụa Nam Định vào Khu công nghiệp Hoà Xá.
- Dự án xây dựng Trung tâm phát triển dệt may; dạy nghề dệt may, triển lãm và biểu diễn thời trang, thiết kế mẫu mốt, trung tâm giao dịch, sản xuất phụ liệu cho ngành may, tại thành phố Nam Định.
- Đầu tư cho máy kéo sợi hiện đại, có mức độ tự động hóa cao, sản xuất các loại sợi chỉ số cao, chải kỹ. Công suất 3.000 tấn/năm.
- Đầu tư cho nhà máy dệt vải mộc khổ rộng, công suất 12 triệu mét/năm.
- Đầu tư nhà máy liên hợp dệt kim - nhuộm - hoàn tất - may, công suất 1.500 tấn/năm.
- Đầu tư nhà máy sản xuất phụ liệu may: khóa kéo, dệt nhãn mác, chun, bông lót, cúc các loại....
- Đầu tư chiều sâu các nhà máy tơ tằm hiện có, phát huy công suất, nâng cao chất lượng dâu tằm, chế biến tơ.
- Đầu tư nhà máy may công suất 2 triệu sản phẩm/năm tại các huyện có điều kiện.
- Đầu tư nhà máy nhuộm hoàn tất vải dệt thoi, công suất 20 triệu mét/năm.
- Nhà máy sợi chất lượng cao, công suất 3.000 tấn/năm.
- Nhà máy dệt thoi, công suất 12 triệu mét/năm.
- Nhà máy dệt kim, công suất 1.500 tấn/năm.

3. Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản

- Đầu tư chiều sâu, đổi mới máy móc thiết bị, nâng công suất chế biến thịt đông lạnh xuất khẩu lên 4.000 tấn/năm của Xí nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu Nam Định.
- Đầu tư mới cơ sở giết mổ gia súc, sản xuất thịt hun khói, xúc xích, lạp sườn, công suất 4.000 - 6.000 tấn/năm.
- Đầu tư mới cơ sở chế biến thịt lợn, gia cầm đóng hộp, công suất 2.000 - 3.000 tấn/năm tại thành phố Nam Định.

- Đầu tư xưởng đông lạnh, sơ chế thịt lợn, gà, vịt... tại phía Nam tỉnh, công suất 2.000 - 3.000 tấn/năm.
- Đầu tư xây dựng 3 cụm chế biến gạo tại Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng, công suất mỗi cụm 3.000 - 4.000 tấn/năm.
- Đầu tư xây dựng khu chế biến thủy hải sản tại thị trấn Thịnh Long (dây chuyền chế biến bột cá nhật công suất 2.000 tấn thành phẩm/năm, xưởng sơ chế thủy hải sản và xưởng sản xuất nước đá 50 - 100 tấn/ngày, dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và cho tôm công suất 5.000 tấn/năm, nhà máy chế biến thủy sản, công suất 3.000 - 5.000 tấn/năm).
- Đầu tư, mở rộng sản xuất nước mắm, cá khô và bột cá khô tại các xã ven biển Hải Hậu, Giao Thủy.
- Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Hải Hậu, công suất 4.000 - 5.000 tấn/năm.
- Xây dựng phân xưởng chế biến thức ăn gia súc của Công ty Trường Xuân tại cụm CN Thịnh Lâm.
- Đầu tư sản xuất nước mắm Sa Châu (Giao Thủy) 1 triệu lít/năm.
- Xây dựng phân xưởng chế biến nước mắm, cá khô ở cụm công nghiệp Rạng Đông.
- Xây dựng nhà máy chế biến ngao xuất khẩu.
- Mở rộng xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Xuân Thủy lên 2.000 tấn/năm.
- Đầu tư mở rộng, nâng công suất nhà máy bia NADA lên 50 - 60 triệu lít/năm..
- Đầu tư mở rộng, nâng công suất bia nhà máy bia Ba Lan lên 10 triệu lít/năm.
- Đầu tư sản xuất rượu từ gạo tại Lạc Quần, công suất 1 triệu lít/năm.
- Đầu tư nhà máy bia sản xuất nước khoáng tại Hải Hậu, công suất 15 triệu lít/năm.
- Xây dựng dây chuyền chế biến rau quả tại Lạc Quần, công suất 10.000 tấn/năm.
- Đầu tư chiều sâu, mở rộng nâng công suất nhà máy bột dinh dưỡng lên 18.000 tấn/năm.
- Đầu tư dây chuyền sản xuất mì ăn liền, phở ăn liền, cháo ăn liền công suất 3.000 tấn/năm tại thành phố Nam Định.

- Đầu tư dây chuyền sản xuất muối công nghiệp, công suất 5.000 tấn/năm tại Hải Hậu.

- Xây dựng nhà máy chế biến muối và các sản phẩm từ muối tại cụm CN Thịnh Lâm.

- Đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường xuất khẩu của Công ty cổ phần Lâm sản Nam Định.

- Đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất các đơn vị chế biến gỗ mỹ nghệ: công ty trách nhiệm hữu hạn Hoa Phương, Lệ Phương, 27 - 7...

- Đầu tư dây chuyền gỗ ván nhân tạo Công ty Vật liệu và Xây lắp Nam Định, công suất 5.000 m³/năm.

- Đầu tư dây chuyền in nhãn mác cho may xuất khẩu, công suất 300 tấn/năm, tại thành phố Nam Định.

- Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất đồ gỗ xuất khẩu quy mô lớn tại thành phố Nam Định (liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài).

4. Công nghiệp vật liệu xây dựng

- Đầu tư chiều sâu, nâng công suất các cơ sở gạch tuy-nen hiện có.

- Đầu tư xây dựng mới một số cơ sở gạch tuy-nen công suất nhỏ ở Ý Yên, Vụ Bản, Trực Ninh, công suất từ 5 - 10 triệu viên/năm.

- Khôi phục sản xuất nhà máy gạch granit, công suất 1 triệu m²/năm.

- Đầu tư mở rộng, nâng công suất xí nghiệp gạch lát Nam Định, xí nghiệp gạch lát men sứ Vụ Bản lên 0,51 - 1 triệu m²/năm.

- Đầu tư chiều sâu, nâng công suất xí nghiệp sản xuất bê tông tươi Công ty Xây lắp I Nam Định lên 15.000 triệu m³/năm.

- Đầu tư sản xuất vải thủy tinh, công suất 100.000 m²/năm.

- Xây dựng cơ sở sản xuất vật liệu mới composit từ keo hữu cơ và sợi thủy tinh.

5. Công nghiệp hoá chất

- Đầu tư chiều sâu trang thiết bị Công ty cổ phần Dược phẩm Nam Định, thu hút dự án sản xuất nguyên liệu thuốc kháng sinh.

- Đầu tư mới dây chuyền sản xuất sơn, các chất tẩy rửa công nghiệp phục vụ dệt may và các ngành công nghiệp khác, công suất 3.000 tấn/năm, tại thành phố Nam Định.

- Đầu tư mở rộng sản xuất công ty trách nhiệm hữu hạn khí công nghiệp Nam Hà.

- Đầu tư cơ sở sản xuất chai PET và sản phẩm bao bì khác phục vụ cho nhà máy nước khoáng, chế biến nước mắm..., công suất 20 triệu chai/năm.

- Xây dựng Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật cao, công suất 500 tấn/năm.

- Xây dựng Nhà máy sản xuất ống và phụ tùng nhựa các loại, công suất 3.000 tấn/năm.

Ghi chú: Vị trí, quy mô, tổng vốn đầu tư của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư cho phù hợp với thực tế ./.